

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN A  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2023/HNGĐ-ST

Ngày 13-01-2023

V/v ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đỗ Văn Dũng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Vũ Văn Minh

2. Bà Bùi Thị Nhân

***-Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Chính - Thư ký Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

***-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 185/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2023 về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2022/QĐXX-ST ngày 09/12/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27/12/2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Thu H; địa chỉ: Thôn V, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

*Bị đơn:* Anh Lê Khắc H; cùng địa chỉ: Thôn V, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Trong Đơn khởi kiện ngày 03 tháng 10 năm 2022 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Trần Thị Thu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh H kết hôn với nhau do tự nguyện, có được tổ chức lễ cưới theo phong tục, đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện A năm 2012. Quá trình chung sống đôi bên xảy ra mâu thuẫn kéo dài nhiều năm, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả, hiện anh chị đã sống ly thân. Nay tình cảm vợ chồng không còn và mâu thuẫn đôi bên đã trầm trọng không còn khả năng khắc phục nên chị H xin ly hôn anh H.

Về con chung: Chị H và anh H có hai con là Lê Thị Ánh N, sinh ngày 05/01/2014 và Lê Tuấn D, sinh ngày 03/11/2019. Khi ly hôn chị H để cho anh H nuôi cả hai con cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị Hoài không yêu cầu giải quyết.

*Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Lê Khắc H trình bày:* Thống nhất với trình bày của chị H về thời điểm vợ chồng kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn và con chung. Anh H xác định vẫn còn tình cảm với chị H và do các con còn nhỏ nên không đồng ý ly hôn. Trường hợp vợ chồng phải ly hôn anh cũng đồng ý và có nguyện vọng nuôi cả hai con; không yêu cầu chị H cấp dưỡng; về tài sản chung, anh không yêu cầu giải quyết.

*Về chứng cứ:* Chủ tọa phiên tòa công bố các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và về việc giải quyết vụ án như sau:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của pháp luật; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án xử: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Thu H và anh Lê Khắc H; về con chung, giao con Lê Thị Ánh N và Lê Tuấn D cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng; nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn cư trú tại huyện A nên Tòa án nhân dân huyện A giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa lần thứ hai hợp lệ; nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị H và anh H được UBND xã Đ cấp chứng nhận kết hôn số 85 ngày 04/12/2012 nên hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do tính cách không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra xô sát. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh H đã căng thẳng, trầm trọng, thỏa mãn những căn cứ cho ly hôn theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình cần chấp nhận.

[4] Về con chung: Các bên có con chung như trình bày ở trên là đúng. Việc chị H anh H thỏa thuận để anh H trực tiếp nuôi cả hai con khi ly hôn là đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt của các con nên chấp nhận.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị H anh H không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[6] Về tài sản chung: Chị H, anh H không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[7] Về án phí: Chị H phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án theo quy định theo quy định của pháp luật.

[9] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A tại phiên tòa là có cơ sở, hoàn toàn phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 147, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Thu H và anh Lê Khắc H.

Về con chung: Giao hai con chung là Lê Thị Ánh N, sinh ngày 05/01/2014 và Lê Tuấn D, sinh ngày 03/11/2019 cho anh Lê Khắc H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H và anh H tự thỏa thuận giải quyết với nhau nên không xét.

Về tài sản chung: Chị Trần Thị Thu H và anh Lê Khắc H không yêu cầu nên không giải quyết.

Về án phí: Chị Trần Thị Thu H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0004374 ngày 19/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A. Chị Trần Thị Thu H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- UBND xã Đ (ĐKKH số 85/2012);
- Dương sự;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Văn Dũng**